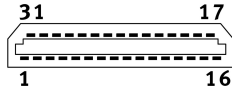


# Cáp động cơ NEBM-SF1W31-EH-2.6-Q15N-LE28

Số bộ phận: 5213342

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                      | Giá trị                                                           |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Tuân theo tiêu chuẩn                          | DIN 47100                                                         |
| Tên cáp                                       | không giá biển báo                                                |
| tần số kết nối                                | 30                                                                |
| trọng lượng sản phẩm                          | 770 g                                                             |
| Cổng nối điện 1, chức năng                    | Phía thiết bị hiện trường                                         |
| Cổng nối điện 1, thiết kế                     | góc                                                               |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối                 | Giắc cắm                                                          |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp                   | được kê góc                                                       |
| Cổng nối điện 1, lưu ý về đầu ra cáp          | 90°                                                               |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối            | Sơ đồ kết nối F1                                                  |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây              | 31                                                                |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng       | 31                                                                |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn                     | Khóa chốt                                                         |
| Cổng nối điện 2, chức năng                    | Phía điều khiển                                                   |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối                 | Cáp                                                               |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối            | đầu mở                                                            |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây                   | 28                                                                |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng       | 28                                                                |
| Dải điện áp hoạt động DC                      | 0 V...50 V                                                        |
| Điện áp hoạt động danh định DC                | 24 V                                                              |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C               | 0.5 A                                                             |
| Độ chịu điện áp xung                          | 0.25 KV                                                           |
| Chiều dài cáp                                 | 2.6 m                                                             |
| Đặc điểm dây dẫn                              | thích hợp cho máng xích                                           |
| Dòng điều kiện kiểm tra                       | Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu                                   |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định          | 49.5 mm                                                           |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển | 74.25 mm                                                          |
| Đường kính cáp                                | 9.9 mm                                                            |
| Dung sai đường kính cáp                       | ± 0,2 mm                                                          |
| Cấu tạo cáp                                   | 1 x (6 x 0,35 mm <sup>2</sup> ) + 2 x (4 x 0,15 mm <sup>2</sup> ) |
| Mặt cắt danh định của dây dẫn                 | 0.15 mm <sup>2</sup><br>0.35 mm <sup>2</sup>                      |

| Đặc tính                                                    | Giá trị                   |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------|
| Đầu dây                                                     | Măng sông sắt             |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP20                      |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                                      | ở trạng thái lắp          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                              | -20 °C...75 °C            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -5 °C...70 °C             |
| Nhiệt độ bảo quản                                           | -25 °C...55 °C            |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                         | theo chỉ thị RoHS của EU  |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                       | theo các quy định UK RoHS |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364 Vùng III        |
| Ghi chú vật liệu                                            | Tuân thủ RoHS             |
| mức độ ô nhiễm                                              | 1                         |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                        | 1 - ứng suất ăn mòn thấp  |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                                         | TPE-U(PUR)                |
| Màu vỏ cáp                                                  | màu đen                   |
| Vật liệu vỏ                                                 | PA                        |
| nhà màu                                                     | màu đen                   |
| Vật liệu các tiếp điểm phích cắm                            | Hợp kim đồng tráng thiếc  |